Unit 14: OUR HOMES



Write the items below in English.

I. VOCABULARY

English	Vietnamese
1.	địa chỉ
2.	căn hộ
3.	phòng tắm
4.	phòng ngủ
5.	phòng ăn
6.	căn nhà
7.	tầng trệt
8.	ngôi nhà
9.	phòng bếp
10.	cầu thang
11.	phòng khách
12.	phòng
13.	tầng dưới
14.	tầng trên
15.	ở gần
16.	

II. STRUCTURE

	Địa chỉ nhà bạn là gì?
	Số 33 đường Phan Bội Châu
	Địa chỉ nhà Mai là gì?
	Số 78 đường Ngô Quyền.

	Có bao nhiêu phòng ngủ trong nhà của bạn?
	Có 3 phòng ngủ.
	Có bao nhiêu phòng ăn?
	Có 1 phòng ăn.

LIVEWORKSHEETS